TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Đình Hiển

2. Bà Đoàn Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Minh Thiện - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2025 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Thanh Ng, sinh năm 1992 "*Vắng mặt*".
Địa chỉ: Thôn LCi, xã TL, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ cũ: Thôn LC, xã TL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Bùi Văn U, sinh năm 1989 *"Vắng mặt"*
Địa chỉ: Thôn ĐX, xã TH, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ cũ: Thôn ĐX, xã CCh, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Bùi Nguyên V, sinh ngày 14/5/2022.

Người đại diện hợp pháp cho cháu V: Anh Bùi Văn U và chị Đào Thị Thanh Ng - Bố, mẹ đẻ cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2025 và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị Thanh Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Văn U có đăng ký kết hôn tại UBND xã CCh, huyện TL, tỉnh Hưng Yên ngày 10/10/2020. Chúng tôi kết hôn hoàn toàn

tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại thôn ĐX, xã CCh, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Tôi làm công nhân Công ty Hoya Glass Disk VN II, địa chỉ: Dị Sử, Mỹ Hào, Hưng Yên, anh U làm lái xe thuê.

Tôi và anh U sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, quan điểm sống có nhiều điểm khác biệt dẫn tới các xung đột trong cuộc sống thường ngày. Anh U đi làm có lương nhưng không đóng góp kinh tế cho gia đình. Mâu thuẫn của chúng tôi đỉnh điểm khoảng tháng 8/2023 trong thời gian tôi nghỉ thai sản, anh U có đi vay lãi cao và muốn bán một số đồ vật trong nhà để trả nợ. Tôi và mẹ chồng tôi không đồng ý, anh U đã quát mắng và đuổi tôi ra khỏi nhà. Tôi đã về nhà bố mẹ tôi sống từ tháng 8/2023 cho đến nay. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã động viên, khuyên bảo nhưng không được. Sau khi tôi về nhà bố mẹ đẻ, anh U vẫn thường xuyên đến thăm con nhưng kinh tế không liên quan đến nhau. Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh U, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh U.

Về con chung: Tôi và anh U có một con chung là cháu Bùi Nguyên V, sinh ngày 14/5/2022, hiện cháu V đang sống cùng tôi. Nếu Toà án xử tôi được ly hôn, tôi được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Tôi yêu cầu nghị anh U cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 3.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản, công sức, công nợ: Tôi và anh U không có tài sản chung nên tôi không đề nghị toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn U không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà nhưng do anh U đi làm không có mặt ở nhà nên không tiến hành lấy lời khai của anh U và không tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 04/8/2025 bị đơn anh Bùi Văn U vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Đào Thị Thanh Ng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn anh Bùi Văn U vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1 - Hưng Yên:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ng được ly hôn đối với anh U.

+ Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyên V cho chị Ng nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi, anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định và được quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn chị Đào Thị Thanh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Bùi Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị Thanh Ng yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn U có địa chỉ: Thôn ĐX, xã TH, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ cũ: Thôn ĐX, xã CCh, huyện TL, tỉnh Hưng Yên). Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đào Thị Thanh Ng vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Bùi Văn U được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị chị Ng và anh U.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Thanh Ng và anh Bùi Văn U kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CCh, huyện TL, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã TH, tỉnh Hưng Yên) ngày 10/10/2020 theo Trích lục kết hôn số 07/2025. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ng: Theo chị Ng thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, quan điểm sống có nhiều điểm khác biệt nên đã dẫn tới các xung đột trong cuộc sống. Anh U đi làm có lương nhưng không đóng góp kinh tế cho gia đình chung, thường xuyên nợ nần phá tán tài sản.

Việc vợ chồng chị Ng anh U xảy ra mâu thuẫn được bà Vũ Thị M - mẹ đẻ chị Ng cung cấp: Vợ chồng chị Ng, anh U chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mẫu thuẫn. Khoảng tháng 8/2023, chị Ng bị anh U đuổi đi, chị Ng về nhà bà sống từ đó cho đến nay. Anh U vẫn thường xuyên đến thăm con nhưng hai vợ chồng vẫn mâu thuẫn không hàn gắn được. Hai bên gia

đình đã động viên, khuyên nhủ vợ chồng chị Ng, anh U nhưng không được (BL số 20).

Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2025, Ủy ban nhân dân xã CCh cung cấp: Về mâu thuẫn vợ chồng, địa phương không nắm rõ, chỉ biết từ người dân xung quanh nói anh U chơi bời nợ nần nhiều. Hiện nay anh U, chị Ng không sống cùng với nhau (BL số 26).

Từ những căn cứ trên xác định vợ chồng chị Ng, anh U xảy ra mâu thuẫn sau khi kết hôn khoảng 2 năm. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và anh U ham chơi dẫn đến nợ nần, phá tán tài sản. Mâu thuẫn của anh chị cũng được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ tháng 8/2023 dẫn đến chị Ng, anh U sống ly thân với nhau, kinh tế độc lập, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay chị Ng xác định không còn tình cảm với anh U nữa. Việc anh U không đến Tòa án làm việc thể hiện anh U không có thiện trí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Ng, anh U đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do vậy việc chị Ng xin ly hôn anh U là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Ng, anh U có một con chung là cháu Bùi Nguyên V, sinh ngày 14/5/2022. Cháu V hiện đang sống cùng với chị Ng, ly hôn Chị Ng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu V. Xét thấy, cháu V hiện tại còn nhỏ, cần nhiều sự chăm sóc của mẹ. Mặt khác, do anh U không đến làm việc với Tòa án nên không xác định được nguyện vọng của anh U về con chung. Do vậy sẽ giao cháu V cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Ng là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, do anh U không đến làm việc nên chưa có quan điểm của của anh U về mức cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP thì mức cấp dưỡng nuôi con không thấp hơn một nửa mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Anh U cư trú tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP thì huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên là vùng 3 có mức lương tối thiểu là 3.860.000đồng/tháng. Do vậy anh U phải cấp dưỡng nuôi cháu V là 1.930.000đồng/tháng.

Anh U không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Nếu sau này anh U có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Ng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công sức, nợ chung và không đề nghị giải quyết. Do

không lấy được lời khai của anh U nên không biết quan điểm của anh U như thế nào về tài sản chung, công sức và nợ chung. Do vậy không đề cập giải quyết, nếu sau này anh U có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Đào Thị Thanh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Bùi Văn U phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Thanh Ng được ly hôn anh Bùi Văn U

[2] Về con chung: Chị Ng, anh U có một con chung là Bùi Nguyên V, sinh ngày 14/5/2022. Giao cháu V cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn U phải cấp dưỡng nuôi cháu V là 1.930.000đồng/tháng. Thời hạn cáp dưỡng tính từ ngày tuyên án 20/8/2025.

Anh Bùi Văn U được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Ng và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh U trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày tuyên án, chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh U không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí*:* Chị Đào Thị Thanh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0001132 ngày 22/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - HưngYên. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND Khu vực 1 - HưngYên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã TH
(Đăng ký kết hôn số 43 ngày 10/10/2020);
- Lưu hồ sơ.